

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

^a MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN	6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	7 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng quản trị

Ông Trần Phú Mỹ

Chủ tịch

Ông Châu Vinh Quang

Phó Chủ tịch

Ông Mai Văn Công

Thành viên

Ông Nguyễn Bảo Thành

Thành viên

Ông Hoàng Biều

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Châu Vinh Quang

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Toàn

Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



CHÂU VINH QUANG - Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu, được lập ngày 15 tháng 8 năm 2016, từ trang 6 đến trang 30 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty chứng khoán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cẩu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01g-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Doanh thu môi giới chứng khoán	06		88.045.147	21.449.610
1.2. Thu nhập hoạt động khác	11		4.339.408	107.243.545
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	20	VI.1	92.384.555	128.693.155
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Chi phí môi giới chứng khoán	27		273.264.708	213.048.759
2.2. Chi phí khác	32		195.000.000	230.624.589
Trong đó: Chi phí sửa lỗi giao dịch chứng khoán, lỗi khác	33		-	-
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 33)	40	VI.2	468.264.708	443.673.348
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42	VI.3	7.963.760	8.330.446
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		7.963.760	8.330.446
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 54)	60		-	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.4	953.737.081	3.317.202.607
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-61-62)	70		(1.321.653.474)	(3.623.852.354)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Chi phí khác	72	VI.5	270.895.542	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)	80		(270.895.542)	-
IX. TỔNG LỢI NHUẬN (LỖ) KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		(1.592.549.016)	(3.623.852.354)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	VI.6	-	-
XI. LỢI NHUẬN (LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		(1.592.549.016)	(3.623.852.354)
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		(1.592.549.016)	(3.623.852.354)
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501		(455)	(1.035)



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016


NGUYỄN THỊ CẢNH
Q. Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ CẢNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02g-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		43.248.308.688	44.981.771.722
I. Tài sản tài chính (110 = 111 -> 129)	110		42.961.788.688	44.695.251.722
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	6.194.838.723	5.980.818.193
Tiền	111.1		6.194.838.723	5.980.818.193
2. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.2	306.371.097	306.371.097
3. Các khoản phải thu khác	122	V.2	37.085.419.155	39.032.902.719
4. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	V.3	(624.840.287)	(624.840.287)
II. Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131 -> 136)	130		286.520.000	286.520.000
Tạm ứng	131	V.4	286.520.000	286.520.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		2.340.026.370	2.570.396.584
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.352.209.972	1.680.419.213
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	856.515.889	1.108.961.104
- Nguyên giá	222		5.412.861.151	5.412.861.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(4.556.345.262)	(4.303.900.047)
- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b		-	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	495.694.083	571.458.109
- Nguyên giá	228		1.515.280.520	1.515.280.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(1.019.586.437)	(943.822.411)
- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		987.816.398	889.977.371
1. Chi phí trả trước dài hạn	252		152.745.385	9.745.385
2. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	V.7	835.071.013	880.231.986
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		45.588.335.058	47.552.168.306

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		21.325.425.919	21.696.710.151
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		21.325.425.919	21.696.710.151
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	V.8	17.600.000.000	17.600.000.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		17.600.000.000	17.600.000.000
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320	V.9	800.090.779	800.090.779
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.10	83.788.482	484.280.887
4. Phải trả người lao động	323		15.406.816	6.406.816
5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	V.11	234.455.799	223.966.947
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.12	1.318.637.808	1.421.077.334
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.13	1.273.046.235	1.160.887.388
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		24.262.909.139	25.855.458.155
I. Vốn chủ sở hữu	410		24.262.909.139	25.855.458.155
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.14	35.000.000.000	35.000.000.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		35.000.000.000	35.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông	411.1a		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	417		(10.737.090.861)	(9.144.541.845)
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện (lỗ lũy kế)	417.1		(10.737.090.861)	(9.144.541.845)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TÔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		45.588.335.058	47.552.168.306
LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	450		-	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Đơn vị tính: Số lượng chứng khoán				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		84.648.059	86.477.591
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		16.082.861	17.881.344
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		3.072	-
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		67.058.176	67.093.176
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		1.500.000	1.500.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		3.950	3.071
f. Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6		-	-
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		10.093	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		10.093	-
				Đơn vị tính: VND
2. Tiền gửi của khách hàng	026		994.122.751	985.019.887
2.1. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027		994.122.751	985.019.887
a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027.1		994.122.751	985.019.887
3. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30		994.122.751	985.019.887
3.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.1		823.125.964	814.024.050
3.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.2		170.996.787	170.995.837

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016




NGUYỄN THỊ CẢNH
Q. Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ CẢNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 03bg-CTCK

Đơn vị tính: VND

Từ 01/01/2015

đến 30/6/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		(1.592.549.016)	(3.623.852.354)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		82.769.715	2.500.395.198
- Khấu hao TSCĐ	03		328.209.241	334.611.742
- Các khoản dự phòng	04		-	2.345.631.386
- Chi phí phải trả, chi phí trả trước	06		(245.439.526)	(179.847.930)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		-	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	20		-	-
5. Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động	30		-	(200.000.000)
Tăng các tài sản khác	35		-	(200.000.000)
6. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	42		1.723.799.831	5.732.727.085
- (Tăng) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	45		-	122.812.097
- (Tăng) giảm các khoản phải thu khác	47		1.947.483.564	4.998.619.750
- (Tăng) giảm phải trả cho người bán	48		-	(32.710.274)
- (Tăng) giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	50		(400.492.405)	7.363.322
- (Tăng) giảm phải trả, phải nộp khác	51		131.647.699	636.642.190
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	53		45.160.973	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		214.020.530	4.409.269.929
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	(2.400.000.000)
Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		-	(2.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	(2.400.000.000)
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	90		214.020.530	2.009.269.929
V. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	101		5.980.818.193	6.257.906.169
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	102		5.980.818.193	6.257.906.169
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	102.1		5.980.818.193	6.257.906.169
V. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	103		6.194.838.723	8.267.176.098
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	104		6.194.838.723	8.267.176.098
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	104.1		6.194.838.723	8.267.176.098
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104.4		-	-

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		206.635.250	810.413.973
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(197.532.386)	(200.334.977)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		9.102.864	610.078.996
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		985.019.887	1.268.648.713
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		985.019.887	1.268.648.713

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		985.019.887	1.268.648.713
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40		994.122.751	1.878.727.709
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:				
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	41		994.122.751	1.878.727.709
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	42		994.122.751	1.878.727.709
	48		<u> </u>	<u> </u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016




 NGUYỄN THỊ CẢNH
 Q. Kế toán trưởng


 NGUYỄN THỊ CẢNH
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 04g-CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/ giảm				Số cuối kỳ	
		01/01/2015	01/01/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015		Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016		30/6/2015	30/6/2016
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
1.1. Vốn pháp định		35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)		(6.143.320.800)	(9.144.541.845)	-	3.623.852.354	-	1.592.549.016	(9.767.173.154)	(10.737.090.861)
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện (lỗ lũy kế)		(6.143.320.800)	(9.144.541.845)	-	3.623.852.354	-	1.592.549.016	(9.767.173.154)	(10.737.090.861)
Cộng		28.856.679.200	25.855.458.155	-	3.623.852.354	-	1.592.549.016	25.232.826.846	24.262.909.139
II. Thu nhập toàn diện khác									
Cộng		-	-	-	-	-	-	-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016



NGUYỄN THỊ CẢNH
Q. Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ CẢNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09g -CTCK

I. ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 83/UBCK-GP ngày 16 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các Quyết định thay đổi như sau:

- Quyết định số 30/UBCK-GP ngày 16 tháng 01 năm 2009, chuẩn y việc bổ sung Phòng Giao dịch Nguyễn Công Trứ tại Số 111 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyết định số 357/UBCK-GP ngày 19 tháng 10 năm 2010, chuẩn y việc chuyển đổi trụ sở chính từ Tầng 5 và 6 Tòa nhà 1015 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh về địa chỉ Số 79 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyết định số 932/QĐ-UBCK ngày 16 tháng 11 năm 2010, chuẩn y việc chấm dứt hoạt động của Phòng Giao dịch Nguyễn Công Trứ.
- Quyết định số 15/GPĐC-UBCK ngày 5 tháng 4 năm 2013, chuẩn y việc chuyển đổi trụ sở chính từ Số 79 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về địa chỉ Tầng 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

• **Vốn pháp định** : 35.000.000.000 VND

• **Vốn điều lệ** : 35.000.000.000 VND

Cơ cấu góp vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị cổ phần (VND)
1.	Công ty Đầu tư - Tin học và Tư vấn Xây dựng Phương Nam	Lô số 2-4-6, Đường C, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	700.000	20	7.000.000.000
2.	Công ty TNHH Xây dựng An Cư	29 TER, Lầu 3 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	700.000	20	7.000.000.000
3.	Ông Mai Văn Công	101 Thành Mỹ, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	525.000	15	5.250.000.000
4.	Ông Châu Vinh Quang	502D/6 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh	525.000	15	5.250.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị cổ phần (VND)
5.	Ông Nguyễn Bảo Thành	240 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	525.000	15	5.250.000.000
6.	Ông Hoàng Biều	28/6 Hoàng Hoa Thám, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	525.000	15	5.250.000.000
Cộng			3.500.000	100	35.000.000.000

• Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-08) 405 0333
Fax : (84-08) 405 0111
Mã số thuế : 0305453780

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về “Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán” và các sửa đổi bổ sung theo Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 như sau:

- 1) Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- 2) Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- 3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- 4) Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- 5) Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
- a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty thực hiện;
 - b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.
- 6) Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 6 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 6 người).

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.2, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư 210 thay thế Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán" và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008".

Theo đó, một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, xem Thuyết minh số VII.3.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 thuộc kỳ kế toán năm thứ 9 của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Áp dụng hướng dẫn Chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Thông tư 210 thay thế Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán” và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008”.

Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 210 trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty chứng khoán.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo thu nhập toàn diện trong kỳ trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán".

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 8

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị các phần mềm máy tính, phần mềm chứng khoán,.. là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Các phần mềm máy tính, phần mềm chứng khoán,.. được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

7. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Lũy kế là số lỗ từ hoạt động kinh doanh động của Công ty lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

8. Doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại các ngân hàng, tiền ứng trước cho khách hàng cho hoạt động giao dịch chứng khoán, các khoản cho khách hàng vay giao dịch ký quỹ và các khoản phải thu khác từ nhà đầu tư. Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư và lãi suất.

Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập, ngoại trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn.

9. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản chi phí

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh không phân biệt đã được thanh toán hay chưa

10. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo thu nhập toàn diện vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tình hình tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo thu nhập toàn diện trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	30/6/2016	31/12/2015
Tiền mặt tại quỹ	1.777.337	978.954
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	6.193.061.386	5.979.839.239
Cộng	6.194.838.723	5.980.818.193

2. Các khoản phải thu

a) Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	306.371.097	306.371.097
b) Các khoản phải thu khác	37.085.419.155	39.032.902.719
Trả trước cho người bán	58.608.000	58.608.000
<i>Trong đó, phải thu và dự thu khó đòi</i>	<i>58.608.000</i>	<i>58.608.000</i>
Phải thu khác (*)	37.026.811.155	38.974.294.719
<i>Trong đó, phải thu và dự thu khó đòi</i>	<i>566.232.287</i>	<i>566.232.287</i>
Cộng	37.391.790.252	39.339.273.816

(*) *Chi tiết các khoản phải thu khác:*

Ông Tạ Duy Toàn	14.130.856.586	14.130.856.586
Bà Nguyễn Thị Kim Sương	2.912.727.228	2.960.072.536
Bà Võ Ngọc Bảo Trân	4.285.191.485	6.028.636.787
Bà Nguyễn Thị Kê	5.440.623.270	5.440.623.270
Ông Lê Anh Tuấn	3.664.703.504	3.664.703.504
Ông Võ Quang Hiếu	3.261.506.777	3.381.506.777
Các nhà đầu tư khác	3.331.202.305	3.367.895.259
Cộng	37.026.811.155	38.974.294.719

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu khác theo đối tượng cầm cố:

	30/6/2016	31/12/2015
Số phải thu có cầm cố bằng chứng khoán	36.298.471.463	38.391.780.762
Số phải thu không có cầm cố	728.339.692	582.513.957
Cộng	37.026.811.155	38.974.294.719

3. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	01/01/2016	Phát sinh trong kỳ		30/6/2016
			Số trích lập	Số hoàn nhập	
a) Dự phòng trả trước cho người bán	58.608.000	58.608.000	-	-	58.608.000
Phí cung cấp dữ liệu	58.608.000	58.608.000	-	-	58.608.000
b) Dự phòng các khoản phải thu khác	566.232.287	566.232.287	-	-	566.232.287
Ông Trương Quang Hoàng	89.259.731	89.259.731	-	-	89.259.731
Bà Thái Thị Hôn	62.658.958	62.658.958	-	-	62.658.958
Bà Trần Nguyệt Anh	205.136.474	205.136.474	-	-	205.136.474
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy	45.473.391	45.473.391	-	-	45.473.391
Bà Huỳnh Phú Hải	19.583.771	19.583.771	-	-	19.583.771
Ông Phạm Trần Tuấn Anh	108.061.482	108.061.482	-	-	108.061.482
Ông Phạm Trần Nam					
Phuong	35.703.198	35.703.198	-	-	35.703.198
Bà Nguyễn Thanh Thủy	355.282	355.282	-	-	355.282
Cộng	624.840.287	624.840.287	-	-	624.840.287

4. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng	286.520.000	286.520.000
Cộng	286.520.000	286.520.000

5. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá			
01/01/2016	5.156.572.936	256.288.215	5.412.861.151
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/6/2016	5.156.572.936	256.288.215	5.412.861.151
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2016	4.054.144.681	249.755.366	4.303.900.047
Tăng trong kỳ	245.912.366	6.532.849	252.445.215
Khấu hao trong kỳ	245.912.366	6.532.849	252.445.215
Giảm trong kỳ	-	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cẩu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Cộng
30/6/2016	4.300.057.047	256.288.215	4.556.345.262
Giá trị còn lại			
01/01/2016	1.102.428.255	6.532.849	1.108.961.104
30/6/2016	856.515.889	-	856.515.889
Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
01/01/2016	282.259.497	188.993.991	471.253.488
30/6/2016	282.259.497	256.288.215	538.547.712
6. Tài sản cố định vô hình			
	Phần mềm máy tính	Phần mềm chứng khoán	Cộng
Nguyên giá			
01/01/2016	459.355.520	1.055.925.000	1.515.280.520
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/6/2016	459.355.520	1.055.925.000	1.515.280.520
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2016	356.000.538	587.821.873	943.822.411
Tăng trong kỳ	22.967.776	52.796.250	75.764.026
Khấu hao trong kỳ	22.967.776	52.796.250	75.764.026
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/6/2016	378.968.314	640.618.123	1.019.586.437
Giá trị còn lại			
01/01/2016	103.354.982	468.103.127	571.458.109
30/6/2016	80.387.206	415.306.877	495.694.083
7. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán			
	30/6/2016	31/12/2015	
Tiền nộp ban đầu	507.115.884	507.115.884	
Tiền nộp bổ sung	96.483.128	96.483.128	
Tiền lãi phân bổ	231.472.001	276.632.974	
Cộng	835.071.013	880.231.986	
8. Vay ngắn hạn			
Vay ngắn hạn bà Vũ Thị Hạnh	17.600.000.000	17.600.000.000	
Cộng	17.600.000.000	17.600.000.000	

Khoản vay ngắn hạn bà Vũ Thị Hạnh theo Hợp đồng vay số 01/2012/HĐTD/VGS ngày 13 tháng 11 năm 2012 và các Phụ lục gia hạn hợp đồng vay, tổng số tiền vay là 20.140.000.000 VND, thời hạn vay gia hạn đến ngày 13 tháng 7 năm 2016. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

vay hiện nay là 0%/năm (năm 2015: 0%/năm). Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 17.600.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 17.600.000.000 VND).

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2016	31/12/2015
Công ty Không gian Hải Hoà	10.800.000	10.800.000
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	46.970.000	46.970.000
Ông Mai Chi Mai	601.524.379	601.524.379
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	140.796.400	140.796.400
Cộng	800.090.779	800.090.779

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	31/12/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2016
Thuế GTGT dịch vụ cung cấp trong nước	80.099.756	-	-	80.099.756
Thuế thu nhập cá nhân	404.181.131	28.476.237	428.968.642	3.688.726
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	484.280.887	31.476.237	431.968.642	83.788.482

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng:

- + Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
- + Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế theo qui định hiện hành.

11. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên

Kinh phí công đoàn	54.369.322	54.369.322
Bảo hiểm xã hội	180.086.477	169.597.625
Cộng	234.455.799	223.966.947

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí lãi vay	1.296.637.808	1.296.637.808
Chi phí kiểm toán	22.000.000	36.363.636
Chi phí hoạt động	-	88.075.890
Cộng	1.318.637.808	1.421.077.334

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2016	31/12/2015
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	12.158.847	-
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	124.780.000	124.780.000
Ông Trần Phú Mỹ	1.130.000.000	1.030.000.000
Các khoản phải trả khác	6.107.388	6.107.388
Cộng	1.273.046.235	1.160.887.388

14. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 VND đã được các cổ đông góp đủ đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị cổ phần (VND)
1.	Công ty Đầu tư - Tin học và Tư vấn Xây dựng Phương Nam	Lô số 2-4-6, Đường C, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	700.000	20	7.000.000.000
2.	Công ty TNHH Xây dựng An Cư	29 TER, Lầu 3 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	700.000	20	7.000.000.000
3.	Ông Mai Văn Công	101 Thành Mỹ, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	525.000	15	5.250.000.000
4.	Ông Châu Vinh Quang	502D/6 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh	525.000	15	5.250.000.000
5.	Ông Nguyễn Bảo Thành	240 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	525.000	15	5.250.000.000
6.	Ông Hoàng Biều	28/6 Hoàng Hoa Thám, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	525.000	15	5.250.000.000
	Cộng		3.500.000	100	35.000.000.000

Cổ phiếu

	30/6/2016	31/12/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	30/6/2016	31/12/2015
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu hoạt động

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Doanh thu môi giới	88.045.147	21.449.610
Thu nhập hoạt động khác	4.339.408	107.243.545
Cộng	92.384.555	128.693.155

2. Chi phí hoạt động

Chi phí môi giới chứng khoán	273.264.708	213.048.759
Chi phí khác	195.000.000	230.624.589
Cộng	468.264.708	443.673.348

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	7.963.760	8.330.446
Cộng	7.963.760	8.330.446

4. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Chi phí nhân viên quản lý	257.277.469	255.319.676
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	3.372.300
Chi phí khấu hao TSCĐ	328.209.241	334.611.742
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	2.345.631.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	365.250.371	364.423.427
Chi phí bằng tiền khác	-	10.844.076
Cộng	953.737.081	3.317.202.607

5. Chi phí khác

Chi phí phạt chậm nộp thuế TNCN	270.895.542	-
Cộng	270.895.542	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	(1.592.549.016)	(3.623.852.354)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	270.895.542	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không tính thuế	270.895.542	-
Lỗ tính thuế	(1.321.653.474)	(3.623.852.354)
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 6 tháng năm 2016 do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính.

7. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) sau thuế	(1.592.549.016)	(3.623.852.354)
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.592.549.016)	(3.623.852.354)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.500.000	3.500.000
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(455)	(1.035)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Ông Trần Phú Mỹ

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với ông Trần Phú Mỹ như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Mượn tiền	700.000.000	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, công nợ với ông Trần Phú Mỹ như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	30/6/2016	31/12/2015
Phải trả tiền mượn	1.130.000.000	1.030.000.000

Thu nhập của Tổng Giám đốc

Thu nhập của Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Tiền lương	90.000.000	90.000.000

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Các loại công cụ tài chính

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền	6.194.838.723	6.194.838.723	5.980.818.193	5.980.818.193
Các khoản phải thu	36.766.949.965	36.766.949.965	38.714.433.529	38.714.433.529
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	835.071.013	835.071.013	880.231.986	880.231.986
Cộng	43.796.859.701	43.796.859.701	45.575.483.708	45.575.483.708
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	17.600.000.000	17.600.000.000	17.600.000.000	17.600.000.000
Phải trả người bán	800.090.779	800.090.779	800.090.779	800.090.779
Chi phí phải trả	1.318.637.808	1.318.637.808	1.421.077.334	1.421.077.334
Các khoản phải trả khác	1.273.046.235	1.273.046.235	1.160.887.388	1.160.887.388
Cộng	20.991.774.822	20.991.774.822	20.982.055.501	20.982.055.501

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp, các khoản phải thu khác, các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán, và hiện tại Công ty có khoản vay ngắn hạn của bà Vũ Thị Hạnh với lãi suất 0%/ năm, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu từ hoạt động tài chính (bao gồm các khoản phải thu khác, tiền gửi ngân hàng).

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các khoản Công ty hỗ trợ cho các cá nhân vay/ mượn tiền mua chứng khoán. Công ty thường xuyên đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu này, đồng thời tiến hành trích lập dự phòng những khoản phải thu đòi tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi Bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
30/6/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền	6.194.838.723	-	-	6.194.838.723
Các khoản phải thu	36.766.949.965	-	-	36.766.949.965
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	835.071.013	-	-	835.071.013
Cộng	43.796.859.701	-	-	43.796.859.701
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	17.600.000.000	-	-	17.600.000.000
Phải trả người bán	800.090.779	-	-	800.090.779
Chi phí phải trả	1.318.637.808	-	-	1.318.637.808
Các khoản phải trả khác	1.273.046.235	-	-	1.273.046.235
Cộng	20.991.774.822	-	-	20.991.774.822
Chênh lệch thanh khoản thuần	22.805.084.879	-	-	22.805.084.879
31/12/2015				
Tài sản tài chính				
Tiền	5.980.818.193	-	-	5.980.818.193
Các khoản phải thu	38.714.433.529	-	-	38.714.433.529
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	880.231.986	-	-	880.231.986
Cộng	45.575.483.708	-	-	45.575.483.708
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	17.600.000.000	-	-	17.600.000.000
Phải trả người bán	800.090.779	-	-	800.090.779
Chi phí phải trả	1.421.077.334	-	-	1.421.077.334
Các khoản phải trả khác	1.160.887.388	-	-	1.160.887.388
Cộng	20.982.055.501	-	-	20.982.055.501
Chênh lệch thanh khoản thuần	24.593.428.207	-	-	24.593.428.207

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cẩu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 do việc áp dụng Thông tư 210, chi tiết như sau:

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2015 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2015 (Được trình bày lại)
Doanh thu hoạt động	137.023.601	(8.330.446)	128.693.155
Doanh thu tài chính	-	8.330.446	8.330.446

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tiền	6.965.838.080	(985.019.887)	5.980.818.193
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	985.019.887	(985.019.887)	-
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	-	223.966.947	223.966.947
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	1.384.854.335	(223.966.947)	1.160.887.388

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2015 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2015 (Được trình bày lại)
Tiền gửi của khách hàng	-	985.019.887	985.019.887
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	-	985.019.887	985.019.887

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Lầu 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2015 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2015 (Được trình bày lại)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lãi từ hoạt động đầu tư	(115.573.991)	115.573.991	-
(Tăng) giảm các khoản phải thu khác	5.020.632.750	(22.013.000)	4.998.619.750
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	93.560.991	(93.560.991)	-

4. Sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016



CHAU VINH QUANG
Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ CẢNH
Q. Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ CẢNH
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ